TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2017/DS-ST
Ngày 01-11-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Việt Thắng.
2. Ông Nguyễn Văn Hận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Luyến - Kiểm sát viên (vắng mặt có lý do).

Ngày 01 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 424/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện T**.

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn N-** Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam- Chi nhánh huyện T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn "Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 11 năm 2016" *(có mặt).*

Địa chỉ làm việc: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972 *(có mặt).*
Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Anh **Võ Hoàng P**, sinh năm 1989 *(có mặt).*
Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989 *(xin vắng mặt)*.
Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1978 *(xin vắng mặt)*.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2016 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Văn N trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện T (gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Nguyễn Văn T vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số OT 0130/HĐTD với số tiền 150.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng trung hạn số 0130/HĐTD với số tiền 50.000.000 đồng cùng ký ngày 25/01/2013, tổng nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Ông T thế chấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 388857; BM 388858; BM 388859; BM 388860; BM 388882 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/01/2013, diện tích 33.493m^2, theo hợp đồng thế chấp số OT 0130 ngày 22/01/2013.

Ngày 03/12/2013 ông T trả nợ gốc 5.000.000 đồng và nợ lãi 5.331.945 đồng, sau đó ông T không trả nợ cho Ngân hàng nữa.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 01/11/2017 là 282.024.930 đồng (Trong đó, nợ gốc 195.000.000 đồng, nợ lãi 87.024.930 đồng) và trả lãi phát sinh theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng tính đến thời điểm trả tất toán nợ. Trường hợp ông T không tự nguyện thanh toán nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý phát mại tài sản để thu hồi nợ.

Trong quá trình xét xử bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Năm 2013 ông có vay vốn tại Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng như ông N trình bày, với số nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Khi vay ông có thế chấp cho Ngân hàng 5 quyền sử dụng đất tổng diện tích 33.493m^2 như ông N trình bày.

Tháng 12 năm 2013 ông có trả cho Ngân hàng nợ gốc 5.000.000 đồng và nợ lãi 5.331.945 đồng, sau đó ông không trả nợ cho Ngân hàng nữa.

Tài sản thế chấp cho Ngân hàng, trong đó có một phần đất diện tích 12.090m^2 (thửa số 458, 467 tờ bản đồ số 10) ông đã cầm cố cho ông Lê Văn B giá 20 chỉ vàng 24k vào năm 2011, thời hạn cầm cố 03 năm. Năm 2014 hết thời hạn cầm cố, Nguyễn Minh T suất ra 20 chỉ vàng 24k trả cho ông B, Minh T nhận cố phần đất trên, có hợp đồng cố đất.

Ông đồng ý trả nợ gốc cho Ngân hàng là 195.000.000 đồng, ông xin giảm nợ lãi. Đối với hợp đồng cố đất giữa ông và Minh T, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Minh T trình bày:

Năm 2011 ông Lê Văn B nhận cố một phần đất của ông T diện tích khoảng 10 công, giá 20 chỉ vàng 24k, thời hạn cố đất 03 năm; đến năm 2014 hết thời hạn

cố đất giữa ông B và ông T, anh mới suất ra 20 chỉ vàng 24k để trả cho ông B, anh tiếp tục nhận cố phần đất trên, có giấy cố đất ngày 19/01/2014. Anh canh tác sử dụng phần đất khoảng 01 năm thì chuyển đi nơi khác sinh sống, để phần đất trên cho mẹ anh là bà Trần Thị T quản lý; bà T lấy phần đất trên đổi với phần đất của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T để tiện cho việc canh tác. Hiện phần đất của ông T do gia đình ông P canh tác sử dụng.

Đối với 20 chỉ vàng 24k anh nhận cố đất của ông T, giữa anh và ông T tự thỏa thuận với nhau, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình xét xử anh Võ Hoàng P trình bày:

Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T là cha mẹ vợ của anh, có đổi đất với bà Trần Thị T (mẹ Minh T), lúc đổi đất ông T không biết. Sau khi đổi đất ông P và bà T giao phần đất trên (phần đất của ông T) cho vợ chồng anh canh tác sử dụng, trong thời gian sử dụng vợ chồng anh có cải tạo lại phần đất để đầu tư cho việc nuôi tôm, cua.

Việc đổi đất, công cải tạo đất, vợ chồng anh tự thỏa thuận với bà T, Minh T và ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp phần đất của ông T (vợ chồng anh đang quản lý) bị phát mại để thu hồi nợ, anh đồng ý tự thỏa thuận với Ngân hàng về thời gian thu hoạch tôm, cua, cá.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh P, không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam-Chi nhánh huyện T và ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã A, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử có Kiểm sát viên Võ Hồng Luyến tham gia phiên tòa, đến ngày 23/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời có Công văn số 108/VKS về việc kiểm sát viên không tham xét xử. Căn cứ Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Kiểm sát viên.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Minh T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Minh T.

Ngày 23/10/2017, Tòa án có Quyết định hoãn phiên tòa đưa bà Phạm Thị H (vợ ông T) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngày 24/10/2017 Tòa án có biên bản xác minh bà H không còn chung sống với ông T và đã đi khỏi địa phương khoảng 10 năm, tại thời điểm vay vốn không có mặt bà H; theo hồ sơ cấp đất của ông T, toàn bộ tài sản thế chấp là tài sản riêng

của ông T; Ngân hàng khởi kiện cá nhân ông T. Do đó, Tòa án không tiếp tục đưa bà H vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung tranh chấp: Việc ký kết các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông T là có thật, các bên đã trình bày thống nhất với nhau về số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng; để bảo đảm khoản vay phía bị đơn đã thế chấp các quyền sử dụng đất tại các thửa số 224, 209, 467, 458, 220, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích 33.493m^2; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 388857, BM 388858, BM 388859, BM 388860, BM 388882 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/01/2013 do ông T đứng tên quyền sử dụng đất; phần đất tọa lạc tại: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, về lãi suất, hạn trả nợ, kỳ trả nợ, tài sản thế chấp và các thỏa thuận khác đã thể hiện tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Sau khi vay phía bị đơn có trả nợ gốc 5.000.000 đồng và nợ lãi 5.331.945 đồng. Tổng số nợ tạm tính đến ngày 01/11/2017 là 282.024.930 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn T thanh toán số nợ 282.024.930 đồng (Trong đó, nợ gốc 195.000.000 đồng, nợ lãi 87.024.930 đồng) và yêu cầu ông T phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký đến khi thanh toán tất nợ. Trường hợp ông T không thanh toán dứt nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng, yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp của ông T để thu hồi nợ. Đồng ý tự thỏa thuận với anh Võ Hoàng P và chị Nguyễn Thị T về thời gian thu hoạch tôm, cua, cá đối với phần đất của ông T thế chấp Ngân hàng mà vợ chồng anh P đang quản lý (trường hợp phần đất bị phát mại).

[4] Phía ông T cho rằng, nợ lãi tính đến thời điểm hiện tại quá cao, gia đình ông đang gặp khó khăn về kinh tế, ông xin giảm phần nợ lãi, đồng ý trả cho Ngân hàng phần nợ gốc 195.000.000 đồng.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình vay ông T đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký, không thanh toán nợ gốc và lãi tiền vay theo đúng định kỳ, phía Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhỡ bằng nhiều biện pháp nhưng ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ trên. Ông T đồng ý thanh toán nợ gốc là 195.000.000 đồng, việc ông T xin giảm lãi, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng không đồng ý, Ngân hàng sẽ xem xét ở giai đoạn thi hành án, khi giao dịch hai bên đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về lãi suất và đồng ý ký tên vào hợp đồng tín dụng. Nên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T về việc xin giảm lãi.

Do đó, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T thanh toán cho Ngân hàng số tiền 282.024.930 đồng (Trong đó, nợ gốc 195.000.000 đồng, nợ lãi 87.024.930 đồng) là phù hợp với Điều 474, 476 Bộ luật dân sự.

[6] Xử lý tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất tại các thửa số 224, 209, 467, 458, 220, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích 33.493m^2; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 388857, BM 388858, BM 388859, BM 388860, BM 388882 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/01/2013, ông T là người đứng tên quyền sử dụng đất; phần đất tọa lạc tại: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau, để

đảm bảo thi hành án nếu như ông T không có điều kiện thi hành án, là phù hợp với các Điều 355, 721 Bộ luật dân sự.

[7] Đối với hợp đồng cố đất giữa ông T và anh Minh T, hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên không có đơn khởi kiện và dự nộp tạm ứng án phí. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc đổi đất giữa ông Nguyễn Văn T (P), bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị T; công cải tạo đất của anh P và chị T. Tại biên bản làm việc ngày 28/9/2017, ông P và bà T từ chối tham gia tố tụng, đồng thời giao toàn quyền quyết định cho anh P và chị T. Tại biên bản làm việc ngày 19/10/2017, anh P và chị T xác định tự thỏa thuận với bà T và ông T về việc đổi đất cũng như công cải tạo đất; tại biên bản làm việc 19/10/2017 bà T không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc đổi đất giữa ông P, bà T và bà T; công cải tạo đất của anh P và chị T. Đồng thời không đưa ông P, bà T, bà T, ông B vào tham gia tố tụng.

Trường hợp các bên không thỏa thuận được có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[8] Đối với phần đất diện tích 12.090m^2 (tại thửa số 458, 467 tờ bản đồ số 10) của ông T thế chấp tại Ngân hàng, hiện anh P và chị T đang quản lý. Ngân hàng và anh P, chị T tự thỏa thuận với nhau về thời gian thu hoạch tôm, cua, cá do anh P, chị T thả nuôi trên đất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về chi phí tố tụng: Ngày 05/7/2017 Ngân hàng có nộp 800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, Ngân hàng yêu cầu ông T có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng chi phí trên. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, nên ông T phải có nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó, ông T phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng 800.000 đồng là phù hợp với Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 157, 228, 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 355, 471, 474, 476, 721 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến

ngày 01/11/2017 là 282.024.930 đồng (Trong đó, nợ gốc 195.000.000 đồng, nợ lãi 87.024.930 đồng).

Bên phải thi hành án là ông T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số OT 0130/HĐTD, số 0130/HĐTD ngày 25/01/2013.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất tại các thửa số 224, 209, 467, 458, 220, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích 33.493m^2; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 388857, BM 388858, BM 388859, BM 388860, BM 388882 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/01/2013, ông T là người đứng tên quyền sử dụng đất; phần đất tọa lạc tại: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau, thể hiện tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số OT 0130/HĐTC ngày 22/01/2013 để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp ông T không có điều kiện thi hành án thì xử lý các tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất nói trên để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Ông T có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí có giá ngạch là 14.101.246 đồng.

Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam- Chi nhánh huyện T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 6.450.000 đồng, theo biên lai thu số 0006652 ngày 22/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị T, anh Minh T có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Giang Trung Kiên